

Số: 492/2025/QĐ - TCGĐ

Thanh Trì, ngày 08 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự”

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI

Thành phần phiên họp giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Duy Trí.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 64/2025/TLST - VDS ngày 09 tháng 6 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự” theo Quyết định mở phiên họp số: 64/2025/QĐST-VDS ngày 25 tháng 11 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1955; đăng ký thường trú tại: Thôn L2, xã T1, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1963; Đăng ký thường trú tại: thôn L2, xã T1, TP Hà Nội.

2. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1942; Đăng ký thường trú tại: 18A C2, phường H1, TP Hà Nội.

3. Bà **Lê Thị X**, sinh năm 1949; Đăng ký thường trú tại: Tổ 20 N1, phường B, Tp Hà Nội.

4. Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1969; Đăng ký thường trú tại: Tổ 20 N1, phường B, Tp Hà Nội.

5. Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1971; Đăng ký thường trú tại: Tổ 20 N1, phường B, Tp Hà Nội.

6. Chị **Nguyễn Thị Xuân P**, sinh năm 1973; Đăng ký thường trú tại: Tổ 20 N1, phường B, Tp Hà Nội.

7. Bà **Hồ Thị L3**, sinh năm 1957, Đăng ký thường trú tại: Thôn L2, xã T1, Tp Hà Nội.

8. Anh **Nguyễn Viết C1**, sinh năm 1981; Đăng ký thường trú tại: Tập thể Cục 701 Tdp Y 1, phường T2, Tp Hà Nội

9. Anh **Nguyễn Tiến L1**, sinh năm 1984; Đăng ký thường trú tại: Thôn L2, xã T1, Tp Hà Nội.

10. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1956; Đăng ký thường trú tại: Thôn L2, xã T1, Tp Hà Nội

11. Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1959; Đăng ký thường trú tại: Thôn L2, xã T1, Tp Hà Nội.

12. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1965; Đăng ký thường trú tại: thôn H2, xã D1, Tp Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị M, bà Lê Thị X, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Xuân P, bà Hồ Thị L3, anh Nguyễn Viết C1, anh Nguyễn Tiến L1, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị N ủy quyền cho ông Nguyễn Văn G và xin vắng mặt tại phiên họp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên họp, người yêu cầu là ông Nguyễn Văn G trình bày:

Bố mẹ ông Nguyễn Văn G là cụ Nguyễn Văn T3, sinh năm 1924 (Đã chết năm 1999) và cụ Tạ Thị H, sinh năm 1921 (Đã chết năm 2006) sinh được 09 người con là:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1942; Đăng ký thường trú tại: Số 18A C2, phường H1, Tp Hà Nội.

2. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1947 (Đã chết ngày 05/8/2024). Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn T4 là:

- Bà Lê Thị X; sinh năm 1949;
- Anh Nguyễn Văn L; sinh năm 1969;
- Anh Nguyễn Văn C3; sinh năm 1971;
- Chị Nguyễn Thị Xuân P; sinh năm 1973;

Đều đăng ký thường trú tại: Tổ 20 N1, phường B, Tp Hà Nội.

3. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1954 (Đã chết ngày 08/02/2017). Người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn S là:

- Bà Hồ Thị L3, sinh năm 1957; Đăng ký thường trú tại: Thôn L2, xã T1, Tp Hà Nội;

- Anh Nguyễn Viết C1, sinh năm 1981; Đăng ký thường trú tại: Tập thể Cục 701 TDP Y 1, phường T2, Tp Hà Nội

- Anh Nguyễn Tiến L1, sinh năm 1984; Đăng ký thường trú tại: Thôn L2, xã T1, Tp Hà Nội.

4. Ông Nguyễn Sơn H3, sinh năm 1945 (Đã chết ngày 02/01/1968) Ông Nguyễn Sơn H3 không có người thừa kế quyền và nghĩa vụ.

5. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1955;

6. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1956;

7. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959;

8. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963;

Đều đăng ký thường trú tại: Thôn L2, xã T1, Tp Hà Nội.

9. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965; Đăng ký thường trú tại: Thôn H2, xã D1, Tp Hà Nội.

Trong số 09 người con, bà Nguyễn Thị T kể từ khi sinh ra đến khoảng 10 tuổi bà T phát triển bình thường. Nhưng từ khi 10 tuổi bà T bắt đầu có những biểu hiện không bình thường, hay nói lung tung, thỉnh thoảng lên cơn đập phá đồ đạc trong nhà, hay đi ra ngoài đường nhặt rác bần để ăn hoặc mang về nhà. Có lúc nằm lý một chỗ, gọi hỏi không trả lời. Có thời gian tự nhiên bà T bỏ đi lang thang khiến gia đình phải đi tìm về. Hiện tại, bà T không giao tiếp được với người xung quanh, hay nói lung tung một mình. bà T vẫn đi ra ngoài đường nhặt rác bần ăn, người nhà không ai nói được.

Để đảm bảo cho các giao dịch dân sự liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà T và các anh chị em trong gia đình, ông G có đơn yêu cầu tuyên bố bà Nguyễn Thị T bị mất năng lực hành vi dân sự.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 398/KL/VPYTW ngày 21/11/2025 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận: “*Tại thời điểm giám định, đối tượng Nguyễn Thị T bị bệnh chậm phát triển tâm thần nặng. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F72. Đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi*”.

Tại phiên họp, ông Nguyễn Văn G giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị T mất năng lực hành vi dân sự và chỉ định ông G là người giám hộ cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà Nội tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Toà án áp dụng Điều 22, 46, 53, 54, 57, 58 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 27, Điều 35, 39, 149, 361, 370, 371, 372, 376, 377, 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự của ông Nguyễn Văn G đối với anh Nguyễn Thị T, chỉ định ông G là người giám hộ cho bà T, xác định quyền, nghĩa vụ của người giám hộ. Về lệ phí việc dân

sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn G phải nộp lệ phí việc dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Nội dung yêu cầu của ông Nguyễn Văn G được xác định là việc dân sự “*Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] *Về nội dung việc dân sự:*

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của người yêu cầu tại phiên họp, xác định bà Nguyễn Thị T từ khi sinh ra tới nay không biết nói, không tự mình thực hiện được các sinh hoạt cá nhân, bị chậm phát triển về tâm thần.

Ngày 30/10/2025 Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 26/2025/QĐ - TCGĐ trưng cầu Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa giám định để xác định bà Nguyễn Thị T có bị mất năng lực hành vi dân sự không.

Tại “*Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu*” số: 398/KL/VPYTW ngày 21/11/2025 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận: “*Tại thời điểm giám định, đối tượng Nguyễn Thị T bị bệnh chậm phát triển tâm thần nặng. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F72. Đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi*”.

Như vậy việc ông Nguyễn Văn G yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Nguyễn Thị T mất năng lực hành vi dân sự là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại các Điều 22, 46, 53, 54 của Bộ luật dân sự và Điều 376, 377, 378 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên cần được chấp nhận.

[4] Bà Nguyễn Thị T là người thành niên nhưng chưa kết hôn, không có con đẻ, con nuôi. Bố đẻ bà T là cụ Nguyễn Văn T3 đã chết năm 1999. Mẹ đẻ bà T là cụ Tạ Thị H đã chết năm 2006. Các anh chị em ruột và người thừa kế quyền, nghĩa vụ đều thống nhất có nguyện vọng cử ông Nguyễn Văn G là người giám hộ hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T. Xét các quy định tại các Điều 53, 54 của Bộ luật dân sự, việc chỉ định ông Nguyễn Văn G là người giám hộ cho bà T là có căn cứ. Ông G có các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ phù hợp quy định tại Điều 57, 58 của Bộ luật dân sự.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Văn G là người yêu cầu do đó phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định theo quy định tại Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 22, 46, 53, 54, 57, 58 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 35, 39, 361, 370, 371, 372, 376, 377, 378 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 36 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn G về việc đề nghị Tòa án tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự.

2. Tuyên bố bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; Đăng ký thường trú và trú tại: Thôn L2, xã T1, thành phố Hà Nội là người mất năng lực hành vi dân sự.

3. Chỉ định ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1955; Đăng ký thường trú và trú tại: Thôn L2, xã T1, thành phố Hà Nội là người giám hộ cho bà Nguyễn Thị T.

Ông G có các quyền, nghĩa vụ của người giám hộ đối với người được giám hộ quy định tại Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Lệ phí việc dân sự: Ông Nguyễn Văn G phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông G đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín – thành phố Hà Nội (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Hà Nội) tại Biên lai thu số 0058683 ngày 09/6/2025.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

N-i nhỄn:

- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND KV 11 - Hà Nội;
- Phòng THADS KV 11 - Hà Nội ;
- Các đương sự;
- UBND xã T1;
- Lu hủ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Duy Trí